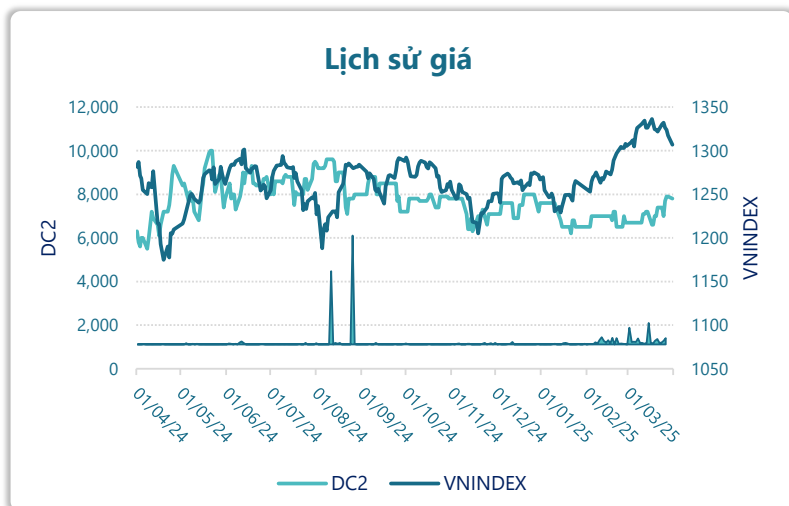


CTCP Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2 (HNX: DC2)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,500
SL cổ phiếu LH	10,975,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
P/E	11.6
EPS	671

DT thuần

Q1/25

30.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼69.7| -69.7%

YoY: ▲ 2.50| 9.1%

LN sau thuế

Q1/25

2.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.22| 10.1%

YoY: ▲ 1.81| 328%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.0%

+/- YoY: ▼ 6.5%

DT thuần

2024

250

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 40.0| 19.2%

LN sau thuế

2024

5.57

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.55| 447%

ROE

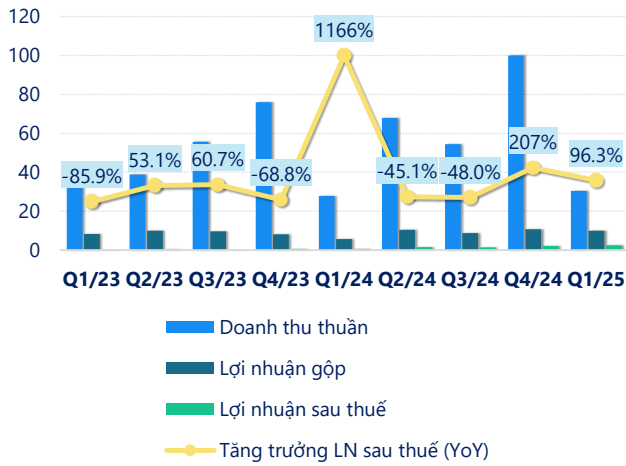
2024

5.6%

+/- YoY: ▲ 4.3%

tỷ VNĐ

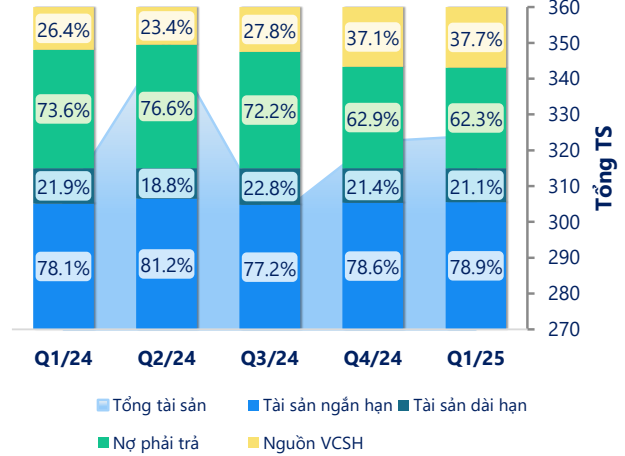
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

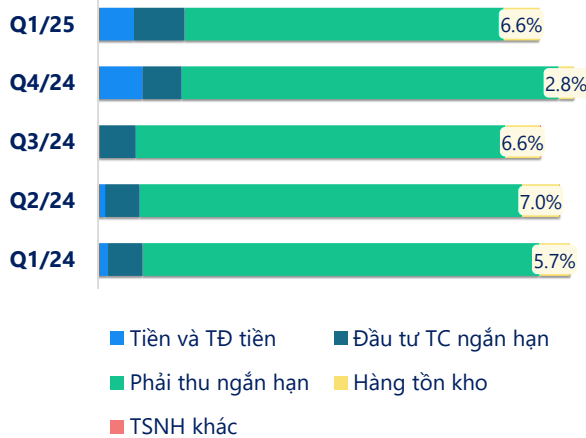
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



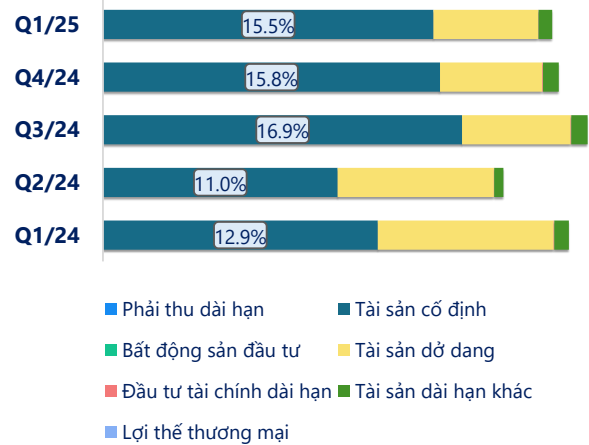
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

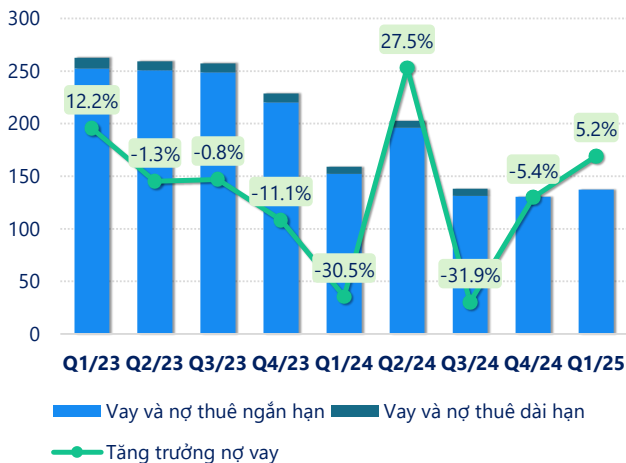
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

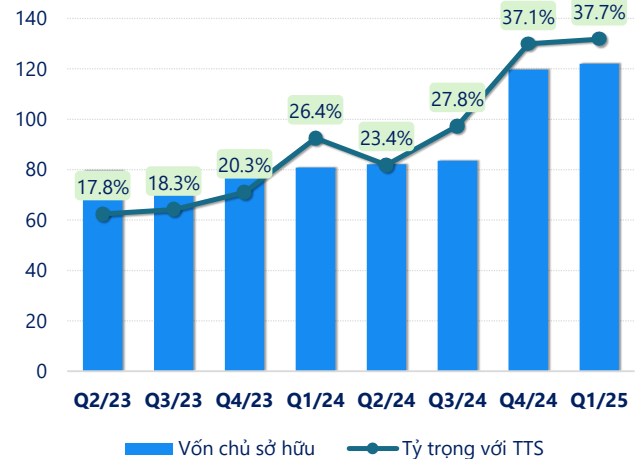
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

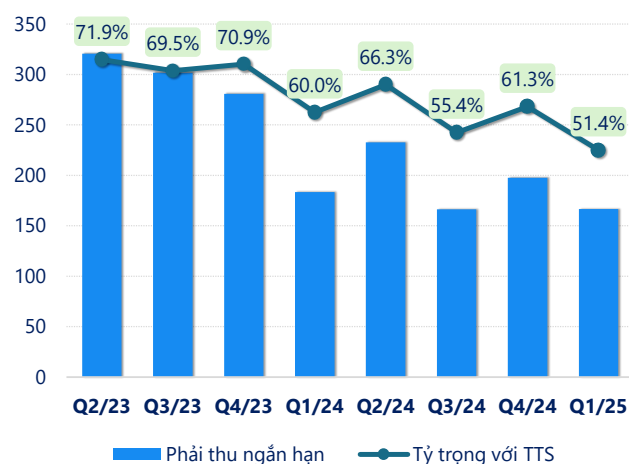
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



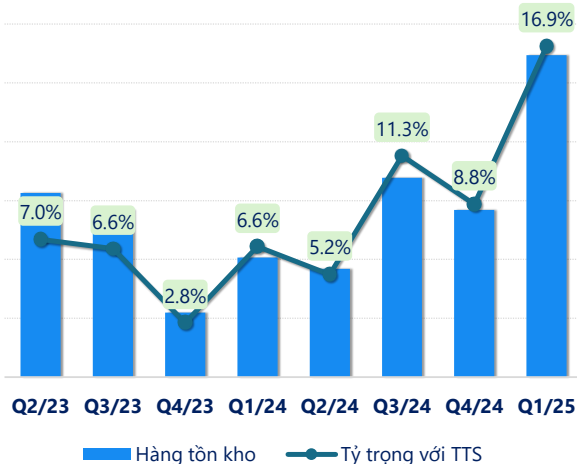
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


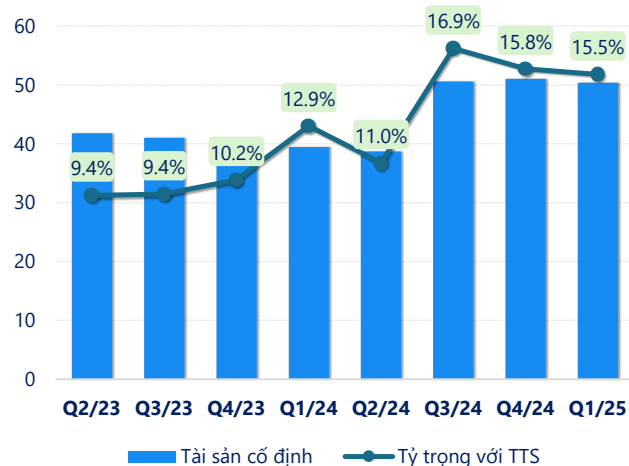
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


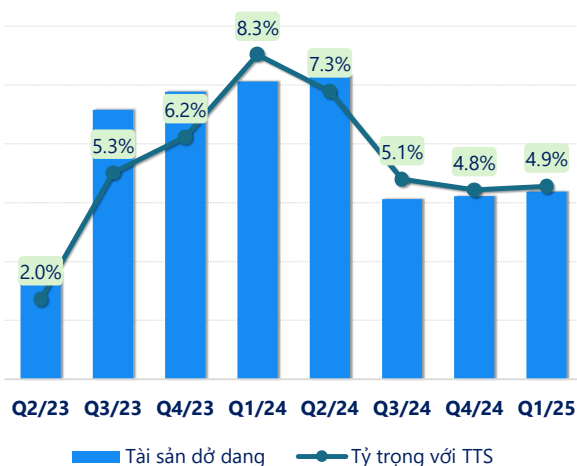
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

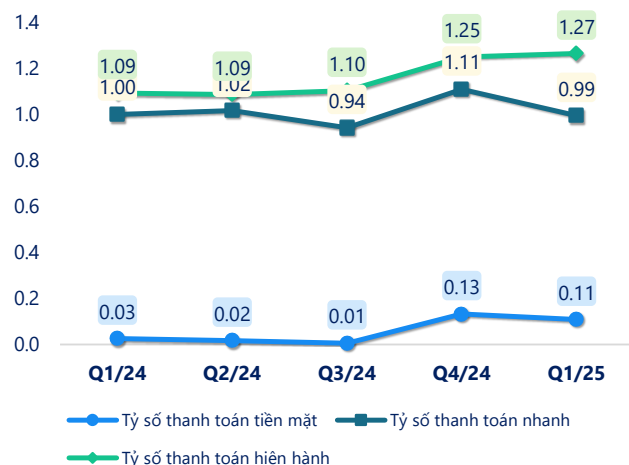
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

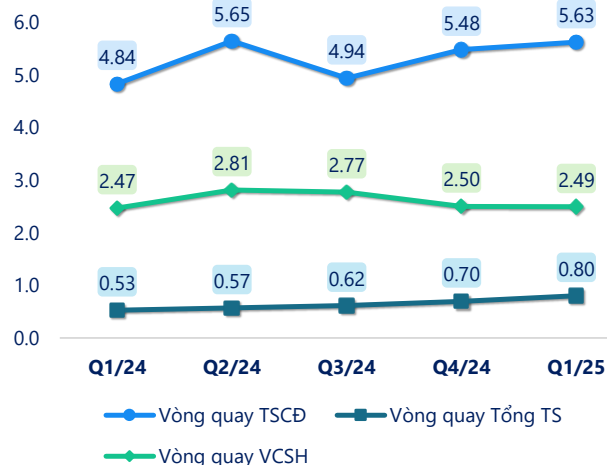
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	306	351	300	322	324
Tài sản ngắn hạn	239	285	232	253	256
Tiền và tương đương tiền	5.71	4.53	1.15	26.9	21.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.0	29.0	29.0	0	10.0
Phải thu ngắn hạn	183	233	166	198	167
Hàng tồn kho	20.3	18.4	33.9	28.4	54.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	0.35	1.29	0.35	2.35
Tài sản dài hạn	66.9	66.1	68.4	69.1	68.5
Phải thu dài hạn	0	0	0.04	0.04	0
Tài sản cố định	39.5	38.7	50.6	51.0	50.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.3	25.8	15.3	15.6	15.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09
Tài sản dài hạn khác	2.10	1.50	2.34	2.37	2.08
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	225	269	216	203	202
Nợ ngắn hạn	218	262	210	203	202
Vay và nợ thuê ngắn hạn	152	196	131	131	137
Phải trả người bán ngắn hạn	48.7	54.9	50.0	50.9	54.5
Nợ dài hạn	6.63	6.63	6.63	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	6.63	6.63	6.63	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	80.8	82.1	83.5	120	122
Vốn chủ sở hữu	80.8	82.1	83.5	120	122
Vốn điều lệ	75.6	75.6	75.6	110	110
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)